

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG
(Từ ngày 01 đến 31/12/2024)

1.1. Miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi cao hơn.
- Trên sông Thao, lưu lượng dòng chảy tại Yên Bái giảm so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 9%. Trên sông Lô, lưu lượng dòng chảy tại Tuyên Quang giảm so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 54%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-50mm, có nơi cao hơn.
- Trên sông Thao, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 7%. Trên sông Lô, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ là 42%.

1.2. Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Khu vực có tổng lượng mưa phổ biến từ 10-20mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy tháng 11: + Trên sông Đà, dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy đến hồ thấp hơn với TBNN cùng kỳ 42% + Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Cầu Gia Bảy thấp hơn 25% so với TBNN; tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn 63% so với TBNN. + Dòng chảy trên sông Hồng tháng 11 biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 10%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Khu vực có tổng lượng mưa phổ biến từ 20-50mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy tháng 12 dự báo: + Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 67%

+ Lưu lượng dòng chảy trên các sông tiếp tục giảm nhẹ so với tháng trước. Trên sông Cầu tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy dự báo thấp hơn 19% so với TBNN. Trên sông Lục Nam, tổng lượng dòng chảy tại Chũ có khả năng ở mức thấp hơn 31% so với TBNN.

+ Dòng chảy trên sông Hồng tháng 12 biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội dự báo ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 2%.

1.3. Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: TLM tại khu vực Thanh Hoá, Bắc Nghệ An phổ biến: 40-100mm, có nơi cao hơn. TLM tại Hà Tĩnh phổ biến: 250-450mm, có nơi cao hơn như tại Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 510mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 11, các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An dao động theo xu thế xuống; các sông ở Hà Tĩnh xuất hiện 2 đợt lũ nhỏ vào các ngày 04-06/11 và ngày 26-27/11. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm hơn so với tháng trước; các sông ở Hà Tĩnh tăng hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 8%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 41%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 40%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 12%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa, Nghệ An: 30-60mm, có nơi cao hơn, Hà Tĩnh: 100-200mm, có nơi trên 200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 12, trên các sông ở Hà Tĩnh có khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động; các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An biến đổi chậm theo xu thế xuống. Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 10%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn TBNN khoảng 20%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 24%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 10%.

1.4. Trung Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 500-1000mm, có nơi cao hơn như tại Nam Đông (Thừa Thiên Huế) 1677mm, Trà My (Quảng Nam) 1589mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 11, lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi tăng cao từ ngày 04-10/11 và từ 23-26/11. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn mức TBNN cùng kỳ 85%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) thấp hơn 9%, sông Trà Khúc

(Quảng Ngãi) thấp hơn 32%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 150-300mm, riêng khu vực từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi TLM phổ biến 400-700mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 12, trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ, dòng chảy tháng thấp hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN 86%, sông Thu Bồn cao hơn 17% và sông Trà Khúc xấp xỉ mức TBNN cùng kỳ.

1.5. Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: TLM phổ biến 150-400mm, có nơi cao hơn như tại Hoài Nhơn 530mm; riêng khu vực Ninh Thuận-Bình Thuận TLM phổ biến 30-70mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng qua, trên các sông từ Bình Định đến Phú Yên đã xảy ra 2-3 trận lũ với biên độ lũ lên từ 1,5 đến 4,5m. Tuy nhiên, lưu lượng dòng chảy trên các sông vẫn phổ biến ở mức thấp hơn TBNN riêng tại An Hòa trên sông An Lão cao hơn TBN. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) cao hơn 11% so với TBNN, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 78%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) thấp hơn 35%, sông Lũy (Bình Thuận) thấp hơn 68%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 76%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Quy Nhơn đến Khánh Hòa: 150-300mm, có nơi cao hơn; Bình Thuận, Ninh Thuận: 50-100mm có nơi cao hơn
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba ở mức thấp hơn 78%, sông Cái Nha Trang ở mức thấp hơn 16% so với TBNN cùng kỳ.

1.6. Tây Nguyên

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-100mm, có nơi cao hơn, như tại M'Đrak (Đắk Lắk) 399mm, An Khê (Gia Lai) 591mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong những ngày đầu tháng 11, trên sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện 2 đợt lũ, đỉnh lũ cao nhất tại trạm Thanh Bình ở trên mức BĐ3; sông Krông Ana có dao động nhỏ, các sông khác biến đổi theo điều tiết hồ chứa thủy điện. Lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực ở mức tương đương và giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông ĐăkBlá tại Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 89%, trên sông Krông Ana tại Giang Sơn

thấp hơn 50%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 40-80mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực ở mức xấp xỉ và giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 83%, trên sông Srêpôk tại Giang Sơn thấp hơn 63%.

1.7. Nam Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 80-200mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 50-100mm, có nơi cao hơn
- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm. Trên sông Tiền tại Tân Châu tương đương TBNN và trên sông Hậu tại Châu Đốc thấp hơn TBNN cùng kỳ 15%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/01/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 31/12/2024*

Sông	Trạm	Thực đo trong 1 tháng qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	12	<73	20-40	>15-30
Thao	Yên Bái	1	<98	30-50	>15-30
Lô	Tuyên Quang	0	<100	20-40	>15-30
Hồng	Hà Nội	9	<84	30-50	>15-30
Cầu	Gia Bảy	3	<95	30-50	>20-40
Lục Nam	Chũ	1	<98	30-50	>20-40
Mã	Cắm Thủy	14	<65	20-40	>15-30
Cả	Yên Thượng	99	>7	40-70	>15-30
La	Hòa Duyệt	416	>114	70-120	>15-30
Tả Trạch	Thượng Nhật	1678	>88	400-600	>20-40
Thu Bồn	Nông Sơn	1586	>51	600-900	>20-40
Trà Khúc	Sơn Giang	1259	>27	600-900	>20-40
Ba	Củng Sơn	162	<63	200-300	>20-40
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	99	<75	250-350	>20-40
ĐăkBlá	KonTum	55	<11	10-20	>20-40
Srêpôk	Giang Sơn	67	<37	20-50	>20-40
Tiền	Tân Châu	50	<66	40-70	>15-30
Hậu	Châu Đốc	50	<66	40-70	>15-30

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN (%)	Dự báo	So sánh TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	W	1872	<42	630	<67
Thao	Yên Bái	W	1058	<9	760	>7
Lô	Tuyên Quang	W	510	<54	402	<42
Cầu	Gia Bảy	W	86.0	<25	56.2	<19
Lục Nam	Chũ	W	24	<63	11.12	<31
Hồng	Hà Nội	W	3429	<10	2839	>2
Mã	Cẩm Thủy	W	721	>8	522	>10
Cả	Yên Thượng	W	814	<41	643	<20
La	Hòa Duyệt	W	713	>40	335	>24
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	209	>85	125	>86
Thu Bồn	Nông Sơn	W	2385	<9	2025	>17
Trà Khúc	Sơn Giang	W	1255	<32	1176	~TBNN
Ba	Cùng Sơn	W	441	<79	254	<78
Cái N,T	Đồng Trăng	W	194	<35	196	<16
ĐăkBlá	KonTum	W	43	<89	41	<83
Srêpôk	Giang Sơn	W	242	<50	147	<63
Tiền	Tân Châu	W			26374	~TBNN
Hậu	Châu Đốc	W			3838	<15

Phụ lục 2: Bản đồ hiện trạng chênh lệch tổng lượng dòng chảy (tháng 11/2024) so với TBNN

